

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 110/QĐ-ĐHKH, ngày 22 tháng 2 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình: Tiếng Việt: **QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH**
Tiếng Anh: **TOURISM MANAGEMENT**

Ngành đào tạo: Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành Mã ngành: 7810103

Trình độ đào tạo: Đại học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Quản trị lữ hành nhằm mục đích đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu lao động về Quản trị lữ hành đối với các doanh nghiệp du lịch lữ hành, điểm du lịch, cơ quan Nhà nước về du lịch.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

Sau khi học xong chương trình đào tạo, người học sẽ:

- Hiểu và vận dụng những kiến thức về lịch sử, văn hóa, địa lý, tuyến điểm du lịch, tâm lý du lịch, pháp luật du lịch, kinh tế du lịch.....và kiến thức chuyên ngành Quản trị lữ hành vào công việc tại các doanh nghiệp du lịch, điểm đến, cơ quan Nhà nước về du lịch.

- Vận dụng được những kiến thức về công nghệ, ngoại ngữ vào thực tế công việc Quản trị lữ hành khi tác nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

- Người học đảm bảo được trang bị kỹ năng cần có của công việc Quản trị lữ hành. Cụ thể người học có kỹ năng:

+ Thiết kế chương trình du lịch trong và quốc tế.

+ Thành thạo công việc văn phòng tại các doanh nghiệp du lịch lữ hành, điểm du lịch, cơ quan Nhà nước về du lịch.

+ Quản lý doanh nghiệp và điều hành các chương trình du lịch trong và ngoài nước

+ Thực hiện tổ chức hướng dẫn các chương trình du lịch trong nước và quốc tế.

+ Hoàn thiện các kỹ năng bổ trợ: Xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt náo; kỹ năng tổ chức các sự kiện, kỹ năng làm việc nhóm.

- Sử dụng tiếng ngoại ngữ tốt, có khả năng đọc, dịch các tài liệu ngoại ngữ chuyên ngành, thành thạo các kỹ năng tin học văn phòng, khai thác internet.

1.2.3. Thái độ

Trên cơ sở mục tiêu về kiến thức và kỹ năng, chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu xây dựng và rèn luyện cho người học có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần tích cực tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, nhận thức sâu sắc về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, có trách nhiệm và lý tưởng nghề nghiệp đúng đắn. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức đạo đức, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại:

- Các doanh nghiệp lữ hành về nội địa và quốc tế: Hướng dẫn viên du lịch nội địa hoặc quốc tế; Văn phòng du lịch; Điều hành du lịch..tại các công ty du lịch trong và ngoài nước.
- Làm việc tại các điểm du lịch: Quản lý điểm du lịch và nhiều vị trí khác nhau tại khu, điểm du lịch.
- Làm việc tại các cơ quan nhà nước về du lịch
- Sinh viên trong và sau khi tốt nghiệp có cơ hội lựa chọn thực tập nghề nâng cao nghề nghiệp, tiếng Anh có hưởng lương tại các nước các nước Singapore, Israel, Tây Ban Nha, Nhật Bản....

1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực ngoại ngữ đảm bảo sử dụng thành thạo trong thực tiễn nghề nghiệp du lịch, lữ hành, giao tiếp quốc tế và giảng dạy. Người học có kiến thức tin học tương đương trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, văn phòng trong thực tiễn công tác.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

- Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và các khoa học liên quan ứng dụng trong du lịch.
- Hiểu biết những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của khoa học du lịch: Tổng quan du lịch, địa lý du lịch, pháp luật du lịch, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, quản trị nhân sự du lịch, điều hành du lịch, nghiệp vụ lữ hành....là nền tảng cơ sở cho ứng dụng trong công việc Lữ hành- hướng dẫn.
- Có kiến thức về nghiệp vụ thực hành nghề du lịch trong lĩnh vực lữ hành- hướng dẫn du lịch trong nước và quốc tế.

2.2. Kỹ năng

a. Kỹ năng cơ bản

- Năng lực vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp du lịch.
- Kỹ năng nghề nghiệp trong ngành du lịch (lữ hành -hướng dẫn quốc tế):

+ Vận dụng được kỹ năng thực hành nghề lễ hành, hướng dẫn, tổ chức sự kiện; biết sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất, tổ chức chương trình du lịch, điều hành du lịch, hướng dẫn inbound hoặc outbound.

+ Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập và thành công trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các đơn vị kinh doanh của ngành du lịch, dịch vụ, tự khẳng định năng lực và phẩm chất của mình trong tập thể, trong tổ chức.

+ Có khả năng tạo dựng mối quan hệ với đồng nghiệp và đối tác trong và ngoài cơ quan trong ngành du lịch, dịch vụ.

+ Có khả năng phân loại và tiếp cận người tiêu dùng du lịch, có khả năng thuyết phục và chia sẻ với khách hàng.

+ Vận dụng linh hoạt kỹ năng chăm sóc khách hàng và các đối tác trong du lịch, dịch vụ.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề nghiệp du lịch.

b. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ:

+ Áp dụng linh hoạt, thành thạo kỹ năng quản lý thời gian và bản thân trong các hoạt động đa dạng của ngành du lịch, dịch vụ.

+ Áp dụng linh hoạt kỹ năng thích ứng với sự phức tạp của thực tiễn nghề nghiệp du lịch.

+ Hiểu và phân tích được hành vi, ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp, làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của ngành du lịch, dịch vụ.

- Kỹ năng làm việc nhóm trong các lĩnh vực khác nhau của ngành du lịch, dịch vụ

- Kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, áp dụng linh hoạt, sáng tạo khi giao tiếp với khách hàng, đồng nghiệp, đối tác... trong thực tiễn nghề nghiệp du lịch.

- Kỹ năng xử lý vấn đề đa văn hóa trong thực tiễn môi trường du lịch quốc tế.

- Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ: Hiểu, sử dụng thành thạo ngôn ngữ ở trình độ B2 hoặc C1.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có đạo đức, trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 136 tín chỉ (Chưa kể nội dung giáo dục thể chất: và giáo dục Quốc phòng)

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Cấu trúc khung chương trình đào tạo

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	37 (27.2%)	37	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	99 (72.8%)		14
- Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	17 (12,5%)	176	
- Khối kiến thức cơ sở ngành	35 (25,7%)	31	6
- Khối kiến thức chuyên ngành	28 (20,6%)	20	9
- Thực tập, thực tế chuyên môn	12 (8,8%)	9	
- Khoá luận (hoặc HP thay thế)	7 (5,14%)	7	
Tổng	136	121	15

4.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT/BT-TL/TH-TN/TH)	HP tiên quyết; học trước (*)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	37		
1.1	Lý luận chính trị	11		
1.1.1	Triết học Mác - Lênin	3	36/18/0/90	
1.1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22/16/0/60	1.1.1
1.1.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24/12/0/60	1.1.1
1.1.4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	24/12/0/60	1.1.1
1.1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24/12/0/60	1.1.1
1.2	Ngoại ngữ	10		
1.2.1	Tiếng Anh 1	4	50/20/0/120	
1.2.2	Tiếng Anh 2	3	35/20/0/90	
1.2.3	Tiếng Anh 3	3	35/20/0/90	
1.3	Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường	6		
1.3.1	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
1.3.2	Môi trường phát triển bền vững	3	35/20/0/90	
1.4	Khoa học xã hội và nhân văn	10		
1.4.1	Pháp luật đại cương	2	25/10/0/90	
1.4.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	35/10/0/90	
1.4.3	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	35/10/0/90	
1.4.4	Phương pháp luận NCKH	2	20/20/0/60	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Loại giờ TC (LT/BT-TL/ TH-TN/TH)	HP tiên quyết; học trước (*)
1.5	Giáo dục thể chất (*)			
1.6	Giáo dục quốc phòng (*)			
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	99		
2.1	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	17		
2.1.1	Tiếng Việt thực hành	3	30/30/0/90	
2.1.2	Xã hội học đại cương	3	30/30/0/90	
2.1.3	Kỹ năng giao tiếp	3	30/30/0/90	
2.1.4	Lịch sử văn minh thế giới	3	30/30/0/90	
2.1.5	Lịch sử văn học Việt Nam	3	30/30/0/90	
2.1.6	Tôn giáo học đại cương	2	15/30/0/60	
2.2	Khối kiến thức cơ sở ngành	35		
	Bắt buộc	29		
2.2.1	Nhập môn Khoa học du lịch	3	30/30/0/90	
2.2.2	Địa lý du lịch	3	15/30/30/90	
2.2.3	Tâm lý du lịch	3	30/30/0/90	
2.2.4	Tiếng Anh du lịch/Tiếng Trung du lịch	4	30/30/30/120	
2.2.5	Tuyển điểm du lịch	3	15/30/30/90	
2.2.6	Quản trị kinh doanh du lịch	2	30/0/0/60	
2.2.7	Pháp luật du lịch	2	15/30/0/60	
2.2.8	Marketing du lịch	3	30/30/0/90	
2.2.9	Kinh tế du lịch	3	30/30/0/90	
2.2.10	Quy hoạch du lịch	3	15/30/30/90	
	Tự chọn	6/12		
2.2.11	Văn hóa doanh nghiệp	2	30/0/0/60	
2.2.12	Thị trường du lịch	2	30/0/0/60	
2.2.13	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	2	30/0/0/60	
2.2.14	Khoa học quản lý đại cương	2	30/0/0/60	
2.2.15	Đạo đức kinh doanh	2	30/0/0/60	
2.2.16	Du lịch 4.0	2	30/0/0/60	
2.3	Khối kiến thức chuyên ngành	28		
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành				
	Bắt buộc	19		
2.3.1	Công nghệ lữ hành	2	15/0/30/60	
2.3.2	Tiếng Anh lữ hành – hướng dẫn/Tiếng Trung lữ hành – hướng dẫn	3	15/30/30/90	

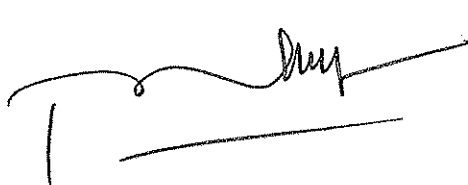
STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ TC (LT/BT-TL/ TH-TN/TH)	HP tiên quyết; học trước (*)
2.3.3	Nghiệp vụ lễ hành	4	30/30/30/120	
2.3.4	Nghiệp vụ hướng dẫn	4	30/30/30/120	
2.3.5	Quản trị đại lý du lịch và lễ hành	3	30/30/30/120	
2.3.6	Quản trị sự kiện	3	15/30/30/90	
	<i>Tự chọn</i>	9/18		
2.3.7	Tổ chức sự kiện du lịch	3	15/30/30/90	
2.3.8	Thiết kế tour	3	15/30/30/90	
2.3.9	Nghiệp vụ tổ chức team building	3	15/30/30/90	
2.3.10	Quản trị dự án du lịch	3	15/30/30/90	
2.3.11	Công nghệ số trong lễ hành	3	15/30/30/90	
2.3.12	An toàn trong du lịch	3	15/30/30/90	
2.4	Thực tế chuyên môn, thực tập tốt nghiệp	12		
2.4.1	Thực tế chuyên môn 1 <i>Khảo sát dịch vụ du lịch tại miền Trung</i>	2	0/0/60/60	
2.4.2	Thực tế chuyên môn 2 <i>Tại doanh nghiệp lễ hành</i>	2	0/0/60/60	
2.4.3	Thực tế chuyên môn 3 <i>Lễ hành- hướng dẫn: Theo tour</i>	3	0/0/90/90	
2.4.4	Thực tập tốt nghiệp	5	0/0/120/120	
2.5	Khóa luận TN hoặc HP thay thế	7		
2.5.1	Quản trị nhân lực doanh nghiệp lễ hành	3	15/30/30/90	
2.5.2	Quản trị chiến lược doanh nghiệp lễ hành	4	30/30/30/120	
Tổng cộng		136		

P. Trưởng Khoa/Bộ môn

Đại diện Ban thẩm định

Phòng Đào tạo

Hiệu trưởng









PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng